

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49 /2018/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 968/TTr- STC ngày 27 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Lào Cai (bao gồm cả điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước); việc quản lý và sử dụng nguồn thu giá trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Đối tượng nộp tiền dịch vụ trông giữ xe:

- Mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu gửi trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện đều phải thực hiện nộp tiền trông giữ xe theo mức giá quy định trên.

- Trừ trường hợp các tổ chức, cá nhân có hoạt động trông giữ xe nhưng không thu tiền như: Cơ quan nhà nước tổ chức giữ xe cho khách đến giao dịch hoặc liên hệ công tác; Khách sạn, nhà hàng giữ xe cho khách hàng; các trường học Trung học phổ thông, Trung học cơ sở có bố trí địa điểm để xe cho học sinh,...

b) Đơn vị thu giá dịch vụ trông giữ xe: Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được thu tiền trông giữ xe.

3. Giá dịch vụ trông giữ xe:

a) Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe tại điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện theo quy định được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

b) Đơn giá dịch vụ trông giữ xe tại điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện theo quy định được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách:

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân không xây dựng phương án giá trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định thì áp dụng tối đa không được vượt mức giá của từng loại phương tiện theo quy định (Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này).

+ Trường hợp cơ quan, đơn vị quản lý xây dựng phương án giá trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định tham mưu UBND tỉnh phê duyệt giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe.

4. Quản lý và sử dụng nguồn thu:

a) Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trông giữ phương tiện phải được cấp phép hoạt động phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Việc thu tiền sử dụng dịch vụ trông giữ xe tại điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện phải có biên lai, hóa đơn thu theo quy định. Khoản tiền thu được từ dịch vụ trông giữ xe là doanh thu của đơn vị. Đối với các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì khoản thu này được cơ quan chủ quản thực hiện giao dự toán, kiểm tra giám sát hàng năm.

c) Đơn vị thu tiền dịch vụ trông giữ xe phải mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp và quản lý sử dụng nguồn thu theo quy định;

d) Việc đăng ký, kê khai và nộp thuế đối với đơn vị thu tiền dịch vụ theo đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế hiện hành và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Cơ quan tài chính các cấp chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô của các tổ chức, cá nhân trông giữ xe.

2. Cơ quan Thuế phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuế; hướng dẫn các đơn vị thực hiện kê khai nộp thuế, quyết toán thuế đối với doanh thu thu được theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành.

3. UBND các huyện, thành phố:

a) Quản lý hoạt động trông giữ xe theo địa bàn quản lý.

b) Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ trông giữ xe theo địa bàn quản lý để kịp thời chấn chỉnh những sai phạm (nếu có) của tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ trông giữ xe.

4. Các tổ chức, cá nhân tự đầu tư, không bằng nguồn vốn ngân sách trông giữ xe có trách nhiệm:

a) Quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe theo quy định.

b) Chấp hành việc niêm yết công khai giá dịch vụ trông giữ xe của từng loại phương tiện và không được thu cao hơn mức giá niêm yết.

c) Sử dụng mặt bằng được cấp có thẩm quyền cho phép dùng vào việc trông giữ xe theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện việc trông giữ xe không được làm ảnh hưởng đến giao thông; môi trường; phòng cháy, chữa cháy;...

d) Thực hiện đăng ký kinh doanh với cơ quan có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định.

e) Đăng ký thuế, nộp thuế theo quy định hiện hành của nhà nước.

f) Trong quá trình thực hiện việc trông giữ xe, nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng xe của người gửi thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Mọi tổ chức, cá nhân tự ý lấn chiếm lề đường, hè phố hoặc đất dành cho đường bộ hoặc công trình công cộng để làm nơi giữ xe không đúng quy định, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông, môi trường, phòng cháy, chữa cháy,... thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Chủ phương tiện đi lại, vận chuyển có trách nhiệm chi trả giá dịch vụ trông giữ xe theo đúng quy định nêu trên. Trường hợp mất vé xe phải kịp thời báo cho tổ chức, cá nhân trông giữ xe biết để cùng phối hợp giải quyết, ngăn ngừa kẻ gian lợi dụng lấy cắp.

7. Tổ chức, cá nhân vi phạm trong lĩnh vực quản lý giá sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 01 năm 2019 và bãi bỏ Quyết định số 4819/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 UBND tỉnh Lào Cai về việc Phê duyệt giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải - Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *g*

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Như Khoản 2, Điều 3 QĐ;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ Văn phòng;
- Công báo tỉnh, Công TTTT tỉnh;
- Lưu: VT, NC3, TH2. *(thứ)*



Đặng Xuân Phong

Phụ lục 01
QUY ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE ĐẠP, XE MÁY, XE Ô TÔ TẠI
CÁC ĐIỂM ĐỖ, BÃI TRÔNG XE ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI
(Kèm theo Quyết định số: 49/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

1. Đơn giá dịch vụ trông giữ xe tại các bến, bãi, điểm đỗ xe:

| STT | Loại phương tiện gửi | Đơn giá | | | |
|-----|---|---------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | | Ban ngày (đồng/xe/lần) | Ban đêm (đồng/xe/lần) | Ngày + đêm (đồng/xe/lần) | Theo tháng (đồng/xe/lần) |
| 1 | Xe đạp, xe đạp điện | 2.000 | 4.000 | 6.000 | 70.000 |
| 2 | Xe máy, xe máy điện và các loại xe máy, xe thô sơ khác | 4.000 | 8.000 | 12.000 | 140.000 |
| 3 | Xe ô tô trọng tải dưới 10 tấn, ô tô chở khách dưới 09 chỗ ngồi | 15.000 | 20.000 | 35.000 | 400.000 |
| 4 | Xe ô tô trọng tải từ 10 tấn đến dưới 30 tấn, ô tô chở khách từ 9 chỗ đến 30 chỗ ngồi | 20.000 | 30.000 | 50.000 | 600.000 |
| 5 | Xe ô tô trọng tải từ 30 tấn trở lên, Container 20 fit đến 40 fit, ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi trở lên và xe giường nằm. | 30.000 | 40.000 | 70.000 | 700.000 |

2. Đơn giá trông giữ xe tại các trường học bệnh viện:

+ Xe đạp, xe đạp điện; xe máy, xe máy điện, xe thô sơ, xe ô tô dưới 09 chỗ ngồi tại: bằng 50% đơn giá quy định tại mục trên.

+ Xe ô tô trọng tải dưới 10 tấn, Xe ô tô trọng tải từ 10 tấn đến dưới 30 tấn, ô tô chở khách từ 9 chỗ đến 30 chỗ ngồi, Xe ô tô trọng tải từ 30 tấn trở lên, Container 20 fit đến 40 fit, ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi trở lên và xe giường nằm: bằng 100% đơn giá quy định tại mục a trên.

3. Đơn giá trông giữ phương tiện do vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ:



| Tên phương tiện | Đơn giá (đồng/xe/ngày đêm) |
|---|----------------------------|
| Xe đạp, xe đạp điện | 15.000 |
| Xe máy, xe máy điện, xe đạp thô, xe kéo tay, xe súc vật kéo, xe lam 03 bánh và các xe thô sơ khác | 20.000 |
| Xe ô tô trọng tải dưới 10 tấn, ô tô chở khách dưới 09 chỗ ngồi | 100.000 |
| Xe ô tô trọng tải từ 10 tấn đến dưới 30 tấn, ô tô chở khách từ 9 chỗ đến 30 chỗ ngồi | 150.000 |
| Xe ô tô trọng tải từ 30 tấn trở lên, Container 20 fit đến 40 fit, ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi trở lên và xe giường nằm. | 200.000 |

4. Đơn giá trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại các điểm trông giữ phương tiện tại các điểm danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa; nơi tổ chức các sự kiện theo kế hoạch được UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố phê duyệt; các hoạt động lễ hội, hội chợ trên địa bàn tỉnh Lào Cai (áp dụng trong những ngày tổ chức sự kiện, lễ hội, hội chợ được quy định trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức sự kiện, lễ hội, hội chợ).

| Tên phương tiện | Đơn giá ban ngày (đồng/xe/lần) | Đơn giá ban đêm (đồng/xe/lần) |
|--|-----------------------------------|----------------------------------|
| Xe đạp, xe đạp điện | 5.000 | 10.000 |
| Xe máy, xe máy điện và các loại xe máy, xe thô sơ khác | 10.000 | 20.000 |
| Xe ô tô trọng tải dưới 10 tấn, ô tô chở khách dưới 09 chỗ ngồi | 30.000 | 60.000 |

| | | |
|---|--------|---------|
| Xe ô tô trọng tải từ 10 tấn đến dưới 30 tấn, ô tô chở khách từ 9 chỗ đến 30 chỗ ngồi | 50.000 | 100.000 |
| Xe ô tô trọng tải từ 30 tấn trở lên, Container 20 fit đến 40 fit, ô tô chở khách trên 30 chỗ ngồi trở lên và xe giường nằm. | 60.000 | 120.000 |

Handwritten mark